

Số: 602/TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA BCTC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CÔNG TY MẸ 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty khoáng sản- TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính của Tổng công ty khoáng sản -TKV;

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty năm 2020 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận 2020 của Công ty mẹ Vimico như sau:

1. Báo cáo tài chính

Trình ĐHĐCĐ thông qua BCTC công ty mẹ, BCTC hợp nhất toàn TCty năm 2020 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Công ty mẹ Tổng công ty

1.1.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm 31/12/2020	Số đầu năm 01/01/2020
I	Tổng tài sản	6.589.799	5.615.574
1	Tài sản ngắn hạn	2.687.704	2.184.710
2	Tài sản dài hạn	3.902.095	3.430.863
II	Tổng nguồn vốn	6.589.799	6.589.799
1	Nợ phải trả	4.358.050	3.481.710
2	Vốn chủ sở hữu	2.231.749	2.133.864
	Tr.đó: Vốn điều lệ	2.000.000	2.000.000
	LNST chưa phân phối	227.446	129.849

1.1.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	6.108.726	6.153.391
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	198.091	137.672
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	176.923	106.706



1.2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

1.2.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm 31/12/2020	Số đầu năm 01/01/2020
I	Tổng tài sản	8.571.269	7.760.501
1	Tài sản ngắn hạn	2.957.705	2.521.009
2	Tài sản dài hạn	5.613.564	5.239.492
II	Tổng nguồn vốn	8.571.269	7.760.501
1	Nợ phải trả	6.110.057	5.361.310
2	Vốn chủ sở hữu	2.461.212	2.399.191
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>158.543</i>	<i>79.326</i>

1.2.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	6.222.766	6.202.716
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	243.086	15.511
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	204.646	- 43.023

(BCTC đã được kiểm toán kèm theo)

2. Phương án phân phối lợi nhuận:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2020, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 là $\geq 3\%$ (Nghị quyết số 669/NQ-VIMICO ngày 25/3/2020).

Căn cứ kết quả SXKD năm 2020, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 Cty mẹ TCT như sau:

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2020: 176.923 tr đ
- Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối: 156.887 tr đ

(Căn cứ điểm đ-Khoản 1- Điều 74- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 V/v Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ (bất lợi thương mại hay còn gọi là lợi thế thương mại âm). Trường hợp mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính của riêng công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.)

+ Chi trả cổ tức 6,1%):	122.000 tr.đ
+ Trích quỹ KT,PL:	34.560 tr.đ
+ Trích quỹ thưởng người quản lý DN:	327 tr.đ

(Bảng phân phối lợi nhuận kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu: VP, TCKT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hải

187
NGTY
AN-TK
CO

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CÔNG TY MẸ NĂM 2020

(Kèm theo TT thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Cty mẹ năm 2020)

	Nội dung	Số tiền
	Lợi nhuận sau thuế	176.922.948.992
	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	156.886.727.744
1	Chi trả cổ tức	122.000.000.000
2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNTT	
3	Lợi nhuận còn lại sau để phân phối các quỹ	34.886.727.744
a	Trích quỹ ĐTPT (tối đa 30%)	
b	Trích quỹ KTPL (1,5 tháng lương)	34.559.727.744
c	Trích quỹ thưởng người QLDN (1 tháng lương QL)	327.000.000
	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020	20.036.221.248



Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thực hiện chi trả tiền lương, thù lao
 Người quản lý năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
 Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 669/NQ-VIMICO ngày 25/3/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua nội dung phân phối tiền lương, thù lao năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021 của Người quản lý Tổng công ty như sau:

I. Thực hiện 2020

1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH điều chỉnh năm 2020	TH năm 2020
1	Tổng giám đốc	01	500.229.358	540.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	04	1.913.377.294	2.065.500.000
3	Kế toán trưởng	01	416.857.798	450.000.000
	Tổng cộng	06	2.830.464.450	3.055.500.000

2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH điều chỉnh năm 2020	TH năm 2020
1	TV HĐQT	01	337.654.817	364.500.000
2	TB kiểm soát	01	466.880.734	504.000.000
	Tổng cộng	02	804.535.550	868.500.000

Hình thức chi: Vimico chi trả trực tiếp.

3. Thù lao của TV HĐQT, Trưởng ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Mức lương của Chủ tịch HĐQT lấy bằng mức tiền lương thực hiện của TGD)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2020	TH năm 2020
1	CT HĐQT	01	74.400.000	108.000.000
2	TV HĐQT	03	194.400.000	291.600.000
3	TV kiểm soát	02	120.000.000	180.000.000
	Cộng	06	388.800.000	579.600.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.
- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

II. Kế hoạch 2021

1. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	40.500.000	486.000.000
2	TB Kiểm soát	01	42.000.000	504.000.000
	Cộng	02		990.000.000

2. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách, tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	03	20%	5.400.000	194.400.000
3	Thành viên BKS	25.000.000	02	20%	5.000.000	120.000.000
	Cộng		06			388.800.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

Số: 604 /TTr - VIMICO

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Tổng công ty) sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ -VIMICO ngày 11/4/2018 của HĐQT Tổng công ty;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Tổng công ty được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

Căn cứ vào việc tổ chức lựa chọn, đánh giá hồ sơ năng lực Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty.

Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và ủy quyền cho Tổng giám đốc Tổng công ty ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021 với Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam, với một số nội dung sau:

- Phí Kiểm toán: 435.000.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế GTGT);
- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021), bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2021 đến 30/06/2021);
- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2021, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2021 đến 30/06/2021).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét, thông qua.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, BKS;

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lương Văn Lĩnh

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua hợp đồng phối hợp kinh doanh, cơ chế mua bán sản phẩm năm 2021 và Hợp đồng mua bán đồng tầm dài hạn với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP,

Hội đồng quản trị báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Hợp đồng phối hợp kinh doanh năm 2021 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

2. Thông qua cơ chế mua bán sản phẩm đồng tầm với Tập đoàn theo quy chế quản trị chi phí kinh doanh trong Tập đoàn các Công ty TKV ban hành tại Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 12/02/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó: Tập đoàn ban hành giá bán đối với sản phẩm đồng tầm do Vimico sản xuất trong năm 2021 để giao cho Tập đoàn tiêu thụ.

3. Thông qua Hợp đồng mua bán đồng tầm dài hạn với TKV (Dự thảo Hợp đồng kèm theo).

4. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty việc điều chỉnh/gia hạn các hợp đồng trên trong quá trình triển khai thực hiện theo nguyên tắc: phù hợp với diễn biến của thị trường, tình hình dịch Covid-19 và đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua. /*ch*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO
Nguyễn Văn Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
KHAI THÁC, SÀNG TUYỂN, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NĂM 2021
Số: /2021/HĐKD

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/08/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 2156/QĐ-TKV ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ thỏa thuận chung ngày 23/12/2020 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021,

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp Đồng này TKV là **Bên A**.

Địa chỉ: Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)4.5180141-(84)4.8510780, Fax (84) 4.510724

Mã số thuế doanh nghiệp: 5700100256

Tài khoản số: 102010000011613 - Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội

Đại diện là Ông: Đặng Thanh Hải. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO) là một công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, chế biến và kinh doanh các sản phẩm Khoáng sản tự nguyện tham gia hợp đồng phối hợp kinh doanh; trong Hợp Đồng này Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP được gọi là **Bên B**.

Địa chỉ: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84)4.62876666, Fax : (84)4.62883333

Mã số thuế doanh nghiệp: 0100103087

Tài khoản: 012010000029980

Đại diện là Ông: Trịnh Văn Tuệ

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

II. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến sản phẩm khoáng sản năm 2021 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng và giá cả được quy định trong hợp đồng này (có Phụ lục kèm theo) và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Bên A ủy quyền cho Bên B ký các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Tinh quặng sắt, Vàng, Bạc, Axit H₂SO₄, Thạch cao với các khách hàng. Bên B xây dựng phương án tiêu thụ, xác định giá báo cáo TKV xem xét thẩm định và phê duyệt để áp dụng cho cả năm 2021.

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ các công trình ĐTXD theo kế hoạch, đảm bảo năng lực khai thác, chế biến khoáng sản cho Bên A và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Giá cả và giá trị thanh toán

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm Đồng tấm và Tinh quặng đồng: giao nhận (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, Bên A thanh toán trả cho Bên B chi phí thực hiện các công đoạn sản xuất trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm cả lợi nhuận định mức kế hoạch.

2.2. Điều chỉnh giá: Căn cứ tình hình thực hiện, hai bên thống nhất điều chỉnh giá mua bán theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành, được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn các công ty TKV và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

- Trường hợp Bên B được Bên A chi khuyến khích sản lượng, chất lượng khoáng sản, Bên A thực hiện điều chỉnh giá mua khoáng sản tương ứng số tiền khuyến khích sản lượng, chất lượng khoáng sản Bên B được hưởng.

- Việc điều chỉnh giá được hai bên thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng đính kèm Hợp đồng này.

2.3. Bên B phải tổ chức quản trị chi phí, giá thành, giá bán theo các quy định hiện hành của Tập đoàn, có cơ chế điều tiết nội bộ lợi thế chênh lệch giữa các đơn vị khai thác tài nguyên có các điều kiện tự nhiên khác nhau nhằm tạo sự bình đẳng cho các đơn vị đồng thời tăng cường tích tụ vốn để đầu tư phát triển.

2.4. Bên B có trách nhiệm thực hiện chi phí thăm dò thuộc Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới các GPKT và thăm dò Khai thác, công tác trắc địa, chi phí môi trường, chi phí cấp cứu mỏ, đào tạo y tế đã được tính toán giao khoán trong kế hoạch PHKD và các văn bản hướng dẫn của TKV.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho Bên A khi đã bốc trên phương tiện của khách hàng, phương tiện của Bên A tại kho Bên B; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được Bên A (hoặc đơn vị được Bên A ủy quyền) chấp nhận.

3.2. Định kỳ 6 tháng và cả năm, Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà Bên B đã giao nhận và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các Phụ lục Hợp đồng này.

3.3. Bên A thanh toán tiền mua sản phẩm cho Bên B theo điều khoản của Hợp đồng mua/bán với Khách hàng và với Bên B.

3.4. Kết thúc năm, căn cứ vào khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên

4.1. Bên A

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phần vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của Tập đoàn, bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến khoáng sản và các sản phẩm khác.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong các lĩnh vực đầu tư XD CB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.3. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.4. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất - tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng Giám đốc TKV và/hoặc người được Tổng Giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.2.2. Tăng cường tích lũy vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.2.3. Tổng Giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các viên chức thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Tài nguyên - Môi trường cấp phép và được Bên A giao nhằm không để thất thoát khoáng sản hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất trong khai thác và tăng giá trị sản phẩm thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế của HĐTV TKV ban hành và chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và trước Pháp luật về số liệu do đơn vị tổng hợp, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ, chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan Nhà nước Trung ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà Bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng,....

5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra.

Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát sản phẩm trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ thì Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần vi phạm (thực hiện theo quy định tại Điều 301-Luật thương mại năm 2005).

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và thực hiện trong năm 2021. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC TKV**

Trịnh Văn Tuệ

Đặng Thanh Hải

T.C.P
★

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ
Số: 01/HĐKT/TKV-VIMICO/2021

- Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 được ban hành ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật Thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 được ban hành ngày 27/06/2005;

- Căn cứ Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 12/02/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc Ban hành Quy chế quản trị chi phí kinh doanh trong Tập đoàn các công ty TKV và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, chúng tôi gồm:

BÊN MUA: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

(Sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ : Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (024) 3518.8467 Fax: (024) 3518.9111

Mã số thuế : 5700100256

Tài khoản : 111000000681 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện: ông Đặng Thanh Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN BÁN: TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV – CTCP

(Sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ : Số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 6287.6666 Fax: (024) 6288.3333

Mã số thuế : 0100103087

Tài khoản : 170114851000017, tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Long Biên Hà Nội.

Người đại diện: ông Trịnh Văn Tuệ Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Hàng hoá - quy cách – chất lượng.

1.1. Tên hàng: Đồng tấm (đồng cathode)

1.2. Thông số đặc tính kỹ thuật:

- Quy cách hàng hóa:

+ Dạng tấm với kích thước: Dài x Rộng x Dày = (760mm±10mm) x (780mm±10mm) x (10mm ±5mm)

+ Khối lượng mỗi tấm: 50kg +/- 5%

+ Đóng gói: Đóng thành kiện bằng 04 đai thép.

+ Khối lượng mỗi kiện: Khoảng 1.250kg +/- 5%.

Quy cách hàng hóa thực tế nêu trên có thể thay đổi so với quy cách hàng hóa Hợp đồng này, phù hợp với tình hình sản xuất, chất lượng sản phẩm thực tế.

- Chất lượng hàng hóa:

Thành phần	Hàm lượng (%)	Thành phần	Hàm lượng (%)
Cu (min)	99,95	Ni (max)	0,005
Bi (max)	0,002	Pb (max)	0,004
Sb (max)	0,003	Sn (max)	0,002
As (max)	0,005	S (max)	0,005
Fe (max)	0,004	Zn (max)	0,003
		Tạp chất khác (max)	0,017

1.3. Xuất xứ:

- Đồng tấm (đồng cathode): do Chi nhánh Huyện đồng Lào Cai – Vimico sản xuất.

Điều 2. Khối lượng .

2.1. Khối lượng: +/-5%

T	Năm	Đơn vị tính	Nhà máy 1	Nhà Máy 2	Tổng cộng
	T5-12/2021	Tấn			16.000
	Năm 2022	Tấn			25.000
	Năm 2023	Tấn			30.000
	Năm 2024	Tấn			30.000
	Năm 2025	Tấn			30.000
	T11-6/2026	Tấn			15.000
	Tổng cộng				146.000

Ghi chú:

- Khối lượng hàng năm có thể thay đổi theo thực tế sản xuất của nhà máy của Bên B

- Khối lượng giao nhận cụ thể hàng tháng sẽ được thực hiện theo thông báo giao nhận hàng của Bên A)

Điều 3. Giá cả.

3.1. Đơn giá tạm tính năm 2021: **146.790.000 đồng/tấn.**

- Đơn giá tạm tính trên thực hiện theo quyết định số 2187/QĐ-TKV ngày 24/12/2020 của Tổng giám đốc TKV “về việc ban hành giá bán sản phẩm đồng tấm do Tổng Công ty khoáng sản TKV-CTCP sản xuất năm 2021”, đã bao gồm các chi phí lưu kho, bảo quản hàng hoá, giao trên phương tiện do Bên A chỉ định tại kho Bên B, chưa bao gồm thuế GTGT.

3.2. Hai bên thống nhất khi Bên A có quyết định điều chỉnh đơn giá đồng tấm do Bên B sản xuất thì quyết định này sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng này và là căn cứ để các bên quyết toán tiền hàng.

Điều 4. Phương thức, địa điểm và tiến độ giao hàng.

4.1. Phương thức, địa điểm giao hàng:

- Hàng hoá được giao trên phương tiện của Bên A (hoặc khách hàng của Bên A do Bên A chỉ định) tại kho của Bên B tại địa chỉ Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – Vimico:

+ Khu công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

+ Xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

- Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hóa được chuyển từ Bên B sang Bên A kể từ khi hàng hóa được giao lên phương tiện của Bên A (hoặc khách hàng của Bên A do Bên A chỉ định) theo quy định của Hợp đồng này. Mỗi lần giao nhận được tính là một lô hàng.

4.2. Giao nhận hàng hóa tại địa điểm khác:

- Trường hợp địa điểm giao nhận nằm ngoài địa chỉ quy định tại Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng theo lựa chọn của Bên A thì hai Bên sẽ thoả thuận thống nhất cước phí vận chuyển, giao nhận bổ sung. Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển là tổng khối lượng bao gồm cả đai của lô hàng. Trong trường hợp này, hàng hóa được giao trên phương tiện vận tải do Bên B chỉ định tại địa điểm giao nhận. Bên A và hoặc Khách hàng do Bên A chỉ định có trách nhiệm bố trí phương tiện nâng hạ và nhân lực để việc giao nhận hàng hóa diễn ra thuận lợi.

- Rủi ro về mất mát hư hại hàng hóa được chuyển từ Bên B sang Bên A kể từ khi hàng hóa dỡ xuống khỏi phương tiện của Bên B tại địa điểm giao hàng do Bên A chỉ định theo quy định của Hợp đồng này.

4.3. Kế hoạch và tiến độ giao nhận hàng hóa:

- Thời gian giao hàng: tháng 5/2021-6/2026.

- Hàng hoá sẽ được hai Bên giao nhận thành một hoặc nhiều lần, đảm bảo khối lượng hàng hoá phù hợp với quy định tại Điều 1 của Hợp đồng.

- Không muộn hơn 01 (một) ngày làm việc trước khi tiến hành từng lần giao nhận, Bên A sẽ gửi Bên B thông báo kế hoạch giao nhận hàng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin sau:

- + Đơn vị nhận hàng (Bên A hoặc khách hàng của Bên A do Bên A chỉ định);
- + Khối lượng, thời gian, địa điểm dự kiến giao nhận hàng hoá.
- Thời gian tổ chức giao hàng: Trong giờ làm việc các ngày làm việc trong tuần. Trường hợp Bên A hoặc khách hàng Bên A có yêu cầu giải phóng nhanh phương tiện Bên B sẽ tổ chức giao hàng ngoài giờ làm việc, bao gồm cả các ngày nghỉ lễ và cuối tuần.

4.4. Xác định khối lượng giao nhận:

- Khối lượng hàng hóa mỗi kiện hàng được xác định bằng cân điện tử đặt tại kho các nhà máy luyện đồng của Bên B hoặc phương pháp khác được hai bên đồng ý, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Khối lượng hàng hoá giao nhận của mỗi lô hàng được xác định bằng tổng khối lượng tịnh của từng kiện hàng của lô hàng đó, được ghi theo từng mã kiện hàng (các kiện hàng đã được đánh mã số và cân trước tại Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – Vimico). Khối lượng tịnh của từng kiện hàng được xác định trên cơ sở khối lượng toàn phần của kiện hàng đó (bao gồm cả đai) trừ (-) đi khối lượng đai hàng (1,2 kg/kiện hàng). Tổng khối lượng bao gồm cả đai và tổng khối lượng tịnh của lô hàng phải được thể hiện chi tiết trong Biên bản giao nhận giữa hai bên. Tổng khối lượng tịnh của lô hàng là khối lượng chính thức để hai bên thanh quyết toán giá trị hàng hóa mua bán của mỗi lô hàng thuộc Hợp đồng.

- Xử lý chênh lệch khối lượng: Đơn vị nhận hàng có thể kiểm tra khối lượng từng kiện hàng và/hoặc tổng khối lượng lô hàng ngay tại địa điểm giao nhận hàng. Trong trường hợp phát hiện có sự sai lệch lớn về khối lượng tịnh/tổng khối lượng tịnh (vượt quá dung sai $\pm 2\%$) thì Bên B có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị nhận hàng để giữ nguyên hiện trạng hàng hoá và thông báo ngay cho Bên A để các bên cùng phối hợp kiểm tra, xử lý.

4.5. Xác định chất lượng hàng hoá được giao nhận:

Bên B, hoặc một đơn vị giám định độc lập do hai bên thống nhất chỉ định, sẽ thực hiện lấy mẫu, phân tích chất lượng và cấp chứng thư/Phiếu kết quả phân tích chất lượng hàng hóa cho lô hàng giao nhận. Mẫu phân tích sẽ được chia làm 2 phần, một phần được sử dụng để phân tích làm cơ sở cấp chứng thư chất lượng/Phiếu kết quả phân tích chất lượng hàng hóa cho lô hàng giao nhận, một phần được lưu tại Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – Vimico làm mẫu trọng tài. Mẫu trọng tài cần phải được ghi rõ các thông số liên quan đến lô hàng giao nhận bao gồm ngày sản xuất, mã số kiện, mã số tấm, v.v...

Điều 5. Phương thức thanh toán.

5.1. Bộ chứng từ thanh toán:

- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B;
- Hoá đơn GTGT;
- 01 bản gốc Biên bản giao nhận hàng hoá có xác nhận của đại diện giao nhận hàng của Bên A;
- 01 bản sao Chứng nhận chất lượng/Phiếu kết quả phân tích chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất cho từng lô hàng.

5.2. Phương thức thanh toán:

5.2.1. Thanh toán trả trước:

- Giá trị trả trước:

+ Trả trước lần đầu: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng/phụ lục hợp đồng, Bên A có thể thanh toán trả trước cho Bên B số tiền tối đa tương ứng giá trị của 2.200 tấn đồng tấm cộng giá trị đồng tấm tồn kho vào từng thời điểm cụ thể theo đơn giá mua bán tạm tính quy định tại Hợp đồng (giá trị tính theo đơn giá chưa có thuế GTGT).

+ Trả trước các lần tiếp theo: Hàng tháng, trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên B xuất hóa đơn bán hàng điều chỉnh doanh thu của tháng trước, Bên A có thể thanh toán trả trước bổ sung cho Bên B sau khi đã bù trừ giá trị hàng hoá giao nhận và doanh thu điều chỉnh của tháng trước, đảm bảo giá trị trả trước tối đa tương ứng không vượt quá giá trị của 2.200 tấn đồng tấm cộng giá trị đồng tấm tồn kho vào từng thời điểm cụ thể theo đơn giá mua bán tạm tính quy định tại hợp đồng (giá trị tính theo đơn giá chưa có thuế GTGT).

- Hồ sơ đề nghị trả trước:

+ Công văn đề nghị trả trước tiền hàng của Bên B.

+ Báo cáo nhập xuất tồn sản phẩm đồng tấm của Bên B vào thời điểm đề nghị trả trước cho lượng đồng tấm tồn kho.

5.2.2. Quyết toán tiền hàng:

Sau khi nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng, Bên A quyết toán tiền hàng với Bên B trên cơ sở các quyết định của Bên A về điều chỉnh giá mua bán đồng tấm do Bên B sản xuất.

4.3. Hình thức thanh toán:

Bên A chuyển khoản vào một trong các tài khoản ngân hàng dưới đây của Bên B hoặc bù trừ công nợ hàng tháng giữa giá trị hàng hóa giao nhận và các khoản dư nợ phải thu của Bên B (Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc) khi mua các sản phẩm và dịch vụ của Bên A, hoặc các khoản Bên B phải nộp cho Bên A:

+ Tài khoản 1: 170114851000017, tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Long Biên Hà Nội.

+ Tài khoản 2: 0571104010005, tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

+ Tài khoản 3: 4522666888, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

+ Tài khoản 4: 0021000243133, tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

+ Các tài khoản khác của Bên B được hai Bên thống nhất bằng văn bản.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên.

6.1. Trách nhiệm của Bên A:

a) Thông báo cho Bên B biết kế hoạch giao nhận hàng.

b) Thanh toán tiền hàng cho Bên B theo đúng chất lượng, khối lượng đã nhận theo quy định của Hợp đồng. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp đồng.

6.2. Trách nhiệm của Bên B:

a) Cung cấp cho Bên A đầy đủ hàng hoá như đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp đồng.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A, khách hàng của Bên A trong quá trình giao nhận hàng.

c) Chịu trách nhiệm đảm bảo cân điện tử có đủ điều kiện để sử dụng theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Khiếu nại về chất lượng.

7.1. Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A/khách hàng của Bên A, chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất cho từng lô hàng ngay sau khi giao nhận hàng hoá, phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm của từng lô hàng kèm theo bảng kê chi tiết mã số từng kiện.

7.2. Trường hợp có khiếu nại về chất lượng, hai Bên sẽ cùng nhau xem xét thoả thuận phương án giải quyết. Nếu không thống nhất được thì hai Bên sẽ cùng nhau đưa mẫu trọng tài đến một đơn vị giám định độc lập tại Việt Nam do hai bên thoả thuận để phân tích xác định chất lượng. Kết quả phân tích của đơn vị giám định độc lập là kết quả chính thức của lô hàng. Chi phí giám định sẽ do Bên có kết quả phân tích khác với kết quả phân tích của đơn vị giám định độc lập chịu.

Điều 8. Bất khả kháng.

8.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

8.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại Khoản 8.1 Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nội loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8.3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng, v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại Khoản 7.5 dưới đây.

8.4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

8.5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

8.6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại Khoản 8.5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

9.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

9.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có quyền yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết bằng trọng tài theo cơ chế như sau:

- Lựa chọn trọng tài: Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

- Địa điểm tiến hành trọng tài: tại Việt Nam.
- Quyết định của Trọng tài là chung thẩm và buộc các bên phải thi hành.
- Chi phí trọng tài: toàn bộ chi phí trọng tài sẽ do bên bị xử thua chịu.

Điều 10. Các điều khoản khác

10.1. Không bên nào có quyền sửa đổi, bổ sung hợp đồng này khi không có sự đồng ý của bên kia. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được hai bên đồng ý bằng văn bản.

10.2. Nếu bên nào đơn phương thay đổi hoặc vi phạm các điều khoản của hợp đồng hoặc huỷ bỏ, chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng và không được sự đồng ý của bên kia thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho bên kia.

10.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng này.

10.4. Hợp đồng được lập thành 08 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 04 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trịnh Văn Tuệ

Đặng Thanh Hải

Số: **607** /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày **22** tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc sáp nhập

Công ty TNHH MTV đá quý Việt Nhật - Vimico vào Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Điều 201 Luật Doanh nghiệp về Sáp nhập công ty và điểm h, khoản 2, Điều 21 Điều lệ Tổng công ty về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty:

(1) Thông qua việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Đá quý Việt Nhật – Vimico vào Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP;

(2) Thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty TNHH MTV Đá quý Việt Nhật - Vimico vào Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP. Chi tiết Hợp đồng kèm theo.

Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các thủ tục sáp nhập theo quy định của pháp luật trong năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty xem xét thông qua.

Trân trọng! *Ln*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, TCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hải

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

(Số: ____/HĐSN)

Căn cứ vào:

1. Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
2. Luật Cảnh tranh số: 23/2018/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018;
3. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 04/01/2021 về Đăng ký doanh nghiệp.
4. Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;
5. Điều lệ Công ty TNHH MTV Đá quý Việt Nhật - VIMICO;
6. Các quyết định liên quan khác và xét tình hình kinh doanh của cả hai Công ty.

Hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) này được lập ngày ... tháng ... năm 2021, địa chỉ Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam, giữa các Bên có tên sau đây:

1. CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP

Tên công ty: TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103087 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 04 năm 2019.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 04 62876666

Fax: 04 62883333

E-mail: vimico@hn.vnn.vn

Website: www.vimicovn.com

Đại diện bởi: Ông Trịnh Văn Tuệ

Chức danh: Tổng giám đốc

Và:

2. CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP

Tên công ty: CÔNG TY TNHH MTV ĐÁ QUÝ VIỆT NHẬT - VIMICO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100114240 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/07/2008 thay đổi lần thứ 1 ngày 09/08/2018

Địa chỉ trụ sở chính: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Đại diện bởi: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Chức danh: Tổng giám đốc

XÉT RẰNG:

Các Bên cùng có những định hướng phát triển doanh nghiệp, phương án kinh doanh hỗ trợ cho nhau và cùng có trụ sở chính tại Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty TNHH MTV Đá quý Việt Nhật – Vimico do Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP là chủ sở hữu nên việc sáp nhập giữa các Bên sẽ giúp cho hoạt động quản lý được thống nhất nhằm giúp hệ thống

công ty dễ dàng phát triển và lớn mạnh hơn. Bên cạnh đó, việc sáp nhập này không vi phạm quy định của Luật Cạnh tranh số: 23/2018/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/06/2018.
Vì vậy, các Bên nhất trí ký kết Hợp đồng theo những điều kiện và điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG SÁP NHẬP CÔNG TY

- Công ty TNHH MTV Đá quý Việt Nhật – Vimico (gọi tắt là Công ty bị sáp nhập) chuyển toàn bộ vốn, tài sản, quyền, nghĩa vụ lợi ích hợp pháp của sang Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP (gọi tắt là Công ty nhận sáp nhập), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của Công ty bị sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật doanh nghiệp 2020. Công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty nhận sáp nhập. Công ty nhận sáp nhập đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, và lợi ích hợp pháp của các công ty bị sáp nhập theo hợp đồng sáp nhập.
- Công ty nhận sáp nhập giữ nguyên tư cách pháp nhân, không có sự thay đổi về vốn điều lệ nhưng có sự thay đổi nhằm cơ cấu, tổ chức lại doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

ĐIỀU 2: THỦ TỤC VÀ ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP

2.1 Thủ tục sáp nhập:

Việc sáp nhập công ty sẽ được tiến hành theo trình tự như sau:

- Công ty bị sáp nhập tạm dừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh kể từ thời điểm ký kết Hợp Đồng này để tiến hành chấm dứt hiệu lực mã số thuế, bàn giao tài sản, lao động, tài chính và các quyền, nghĩa vụ khác cho Công ty nhận sáp nhập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng này.
- Đại hội đồng cổ đông Công ty nhận sáp nhập, Chủ sở hữu Công ty bị sáp nhập tiến hành thông qua Hợp đồng sáp nhập và Điều lệ Công ty nhận sáp nhập.
- Hai Bên cùng thống nhất cơ cấu tổ chức của Công ty nhận sáp nhập sau khi sáp nhập. Cơ cấu tổ chức Công ty nhận sáp nhập được ghi nhận tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.
- Các Bên thông báo cho người lao động trong hai công ty về việc sáp nhập, giải quyết những vấn đề mà người lao động thắc mắc về quyền lợi của mình trong quá trình sáp nhập công ty.
- Các Bên cùng tiến hành thủ tục sáp nhập doanh nghiệp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp.

2.2 Điều kiện sáp nhập

Việc sáp nhập công ty phải thỏa mãn đủ các điều kiện sau:

- Việc sáp nhập chỉ được thực hiện khi Các cổ đông của Công ty nhận sáp nhập, Chủ sở hữu Công ty bị sáp nhập nhất trí thông qua Hợp đồng sáp nhập và Điều lệ Công ty nhận sáp nhập.
- Việc sáp nhập có hiệu lực sau khi được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Toàn bộ lao động của Công ty bị sáp nhập bao gồm: Lao động đã ký hợp đồng lao động và lao động thời vụ, lao động là cộng tác viên (nếu có) sẽ tiếp tục ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty nhận sáp nhập; Công ty nhận sáp

nhập sẽ kế thừa và ký lại hợp đồng với người lao động của Công ty bị sáp nhập. Trong đó thời hạn và các điều khoản, chế độ, chính sách sẽ được giữ nguyên như hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty bị sáp nhập và theo các quy định của pháp luật hiện hành;

- Công ty nhận sáp nhập đảm bảo bố trí công việc phù hợp với khả năng trình độ chuyên môn cho những người lao động của Công ty bị sáp nhập sau khi sáp nhập.
- Công ty nhận sáp nhập có trách nhiệm kế thừa và giải quyết tranh chấp các quyền, nghĩa vụ phát sinh với người lao động của Công ty bị sáp nhập (nếu có) sau khi hoàn tất các thủ tục sáp nhập.
- Đối với lao động thôi việc, nghỉ việc (nếu có) Công ty bị sáp nhập sẽ chịu trách nhiệm thanh toán và chi trả chế độ cho người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

ĐIỀU 4: CÁCH THỨC, THỦ TỤC, THỜI HẠN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI TÀI SẢN.

4.1. Cách thức, thủ tục chuyển đổi tài sản

- Các bên tổ chức cuộc họp để định giá những tài sản chuyển đổi theo những tiêu chí nói chung tại Điều 4.3 của Hợp đồng này. Các quyết định được thông qua phải được lập thành Biên bản có chữ ký xác nhận của đại diện cả hai Bên.
- Các Bên phải thông báo cho chủ nợ về việc định giá tài sản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua Biên bản định giá.
- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty nhận sáp nhập nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì việc chuyển đổi tài sản này phải được tiến hành tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

4.2. Thời hạn chuyển đổi tài sản:

- Tài sản của Công ty bị sáp nhập sẽ được chuyển đổi và đưa vào hoạt động kinh doanh trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày các Bên thông qua hợp đồng này; Đối với các tài sản đang hình thành theo các hợp đồng với đối tác thì thời hạn sẽ là 10 ngày kể từ thời điểm thanh lý các hợp đồng đó. Trong các trường hợp tài sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật thì thời hạn là 10 ngày kể từ thời điểm thực hiện xong thủ tục thay đổi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.3. Điều kiện chuyển đổi tài sản

- Các tài sản chuyển đổi phải là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp hoặc sẽ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty bị sáp nhập. Trong trường hợp chuyển đổi tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì việc chuyển đổi tài sản này phải được tiến hành tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Việc định giá các tài sản chuyển đổi phải được căn cứ trên cơ sở giá thị trường của tài sản so một cơ quan được cả hai Bên thành lập tiến hành định giá. Đối với những tài sản cố định, giá trị tài sản còn lại của tài sản tính trên thời gian khấu hao được ghi trong bảng cân đối tài sản hàng năm của mỗi bên, trong trường hợp này nguồn gốc của mỗi tài sản phải được đảm bảo đầy đủ những chứng từ theo quy định của pháp luật ;
- Đối với những khoản nợ của Công ty bị sáp nhập, thì chỉ có những hợp đồng vay nợ nào được thông báo cho đại diện của Công ty nhận sáp nhập thông qua

một danh mục trước thời điểm các Bên ký kết hợp đồng này mới được thừa nhận khoản nợ của Công ty nhận sáp nhập.

ĐIỀU 5: CHUYỂN ĐỔI VỐN GÓP CỦA CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP THÀNH CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP

- Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty bị sáp nhập sẽ được chuyển sang cho Công ty nhận sáp nhập. Theo đó, sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty nhận sáp nhập là 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ Đồng), trong đó:
 - Vốn điều lệ của Công ty nhận sáp nhập: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ Đồng)
 - Vốn điều lệ của Công ty bị sáp nhập: Nằm trong phần vốn điều lệ của Công ty nhận sáp nhập do Công ty nhận sáp nhập đầu tư và là chủ sở hữu của Công ty bị sáp nhập.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN THỰC HIỆN VIỆC SÁP NHẬP

Việc sáp nhập sẽ được thực hiện ngay sau khi Các bên ký Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP

- Kê khai đầy đủ chính xác đến toàn bộ tài sản, các quyền và nghĩa vụ liên quan và lợi ích hợp pháp của mình đến thời điểm chuyển giao tài sản.
- Thực hiện đầy đủ các thủ tục có liên quan khác theo quy định của pháp luật đối với việc sáp nhập doanh nghiệp
- Thanh toán toàn bộ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính đến hạn đối với chủ nợ và các bên thứ ba khác trước khi thực hiện sáp nhập.
- Thực hiện việc quyết toán thuế và đóng mã số thuế của Công ty bị sáp nhập tại cơ quan Thuế có thẩm quyền
- Giải quyết các khiếu nại tranh chấp có liên quan đến việc sáp nhập cho đến thời điểm hoàn thành việc sáp nhập.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP

- Thực hiện đầy đủ các pháp lý có liên quan đến giao dịch sáp nhập theo quy định tạo Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.
- Được hưởng quyền và lợi ích hợp pháp đối với những tài sản so Công ty bị sáp nhập chuyển đổi cho Công ty nhận sáp nhập.
- Chịu trách nhiệm về những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh đối với Công ty bị sáp nhập kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục sáp nhập

ĐIỀU 9: CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

- Các thông tin đề cập tại Hợp đồng này là đúng và chính xác
- Các bên cam kết đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục nội bộ cần thiết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty để ký kết hợp đồng này
- Chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng này là người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ.
- Các Bên có đủ tất cả các phê duyệt, sự chấp thuận và sự cho phép cần thiết theo quy định pháp luật Việt Nam, Điều lệ, Quy chế nội bộ của mình để có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

- Mỗi Bên có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm hợp đồng của mình gây ra hoặc người đại diện của mình gây ra.
- Các Bên cam kết trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải ngay lập tức thực hiện và dùng các nỗ lực hợp lý của mình để đạt được tất cả các đồng ý và sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất giao dịch sáp nhập trong thời gian sớm nhất
- Các Bên cam kết nỗ lực trong việc thực hiện tất cả các điều khoản trong Hợp đồng, thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình thủ tục liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật
- Các Bên không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp đồng.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này sẽ thay thế mọi kết quả thỏa thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ trước đây giữa các Bên liên quan đến việc giao dịch sáp nhập theo Hợp đồng này. Các kết quả thỏa thuận, đàm phán, biên bản ghi này sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc trái quy định pháp luật hoặc không có hiệu lực thi hành vì bất kỳ lý do gì, điều khoản đó sẽ bị loại ra khỏi Hợp đồng với điều kiện là việc loại ra đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoặc làm thay đổi cơ bản nội dung của Hợp đồng này. Các Bên sẽ cùng đàm phán trên tinh thần hợp tác để thỏa thuận các lại các điều khoản này. Các vấn đề chưa được quy định trong hợp đồng sẽ được các Bên xử lý theo thỏa thuận giữa các Bên theo quy định của pháp luật.
- Các Bên hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng này, nếu có gì vướng mắc các Bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi Bên cùng có lợi. Trong trường hợp tranh chấp không được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) hoặc Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Không Bên nào được chuyển giao hoặc ủy quyền, toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng này hoặc bất kỳ quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ nào dưới đây mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Hợp đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với các Bên trong Hợp đồng này.
- Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được lập thành văn bản, được Đại hội đồng cổ đông của Công ty nhận sáp nhập và Chủ sở hữu của Công ty bị sáp nhập thông qua; được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết thông qua.

ĐIỀU 11: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ ký kết thông qua
- Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp
 - ✓ Việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Đá quý Việt Nhật – Vimico vào Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP đã hoàn tất.

- ✓ Theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên về việc chấm dứt Hợp đồng ;
- ✓ Theo yêu cầu của Công ty nhận sáp nhập hoặc Công ty bị sáp nhập nếu các điều kiện cho giao dịch sáp nhập không đáp ứng toàn bộ do việc vi phạm nghĩa vụ, cam kết của một Bên, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác.
- ✓ Một hoặc các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Hợp đồng này được lập thành tám (08) bản. Mỗi Bên giữ một (01) bản, một (01) bản gửi lên cơ quan có thẩm quyền, một (01) bản niêm yết tại trụ sở chính của công ty nhận sáp nhập, một (01) bản niêm yết tại trụ sở chính của công ty bị sáp nhập và ba (03) bản gửi tới người lao động và chủ nợ của Các bên. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Chữ ký của Các bên

**TỔNG CÔNG TY
KHOÁNG SẢN TKV-CTCP
Tổng giám đốc**

**CÔNG TY TNHH MTV ĐÁ QUÝ
VIỆT NHẬT - VIMICO
Tổng giám đốc**

TRỊNH VĂN TUỆ

NGUYỄN THỊ THU HÀNG

PHỤ LỤC 1
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP SAU KHI SÁP NHẬP

1. Tên công ty:

Tên công ty bằng tiếng việt: TÔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: VINACOMIN - MINERALS HOLDING CORPORATION

Tên doanh nghiệp viết tắt: VIMICO

2. Mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 04 năm 2019.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420 (Chính)
2.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8710
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
9.	Sản xuất than cốc	1910
10.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
11.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
12.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
13.	Đúc kim loại màu	2432
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
16.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
18.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
19.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
24.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
28.	Bán buôn tổng hợp	4690

29.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
30.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
32.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
34.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7210
35.	Điều hành tua du lịch	7912
36.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
37.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8610
38.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

5. **Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 VNĐ** (Hai nghìn tỷ đồng)

6. **Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: TRỊNH VĂN TUỆ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/12/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001072009253

Ngày cấp: 29/05/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Liên kè 17-28 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: Liên kè 17-28 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

7. **Nguyên tắc hoạt động:**

Công ty nhận sắp nhập sẽ hoạt động độc lập tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, cùng Điều lệ công ty.

Số: 609 /TT-VIMICO

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH**V/v thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Tổng công ty Khoáng sản - TKV**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP thông qua;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty ký quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, với nội dung cụ thể và tổng quát như sau:

1. Kết cấu tổng thể, gồm:

1.1 Dự thảo quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (kèm theo)

1.2 Bộ cục của quy chế:

Bao gồm: 07 chương; 22 Điều.

2. Nội dung cụ thể, chi tiết:

Như chi tiết đã gửi tới các Quý cổ đông.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét, thông qua.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP, BKS;



Số: /QĐ - VIMICO

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ... được ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-VIMICO ngày / /2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số ngày tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Điều 2. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt

động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP ban hành kèm theo Quyết định số 843/QĐ-VIMICO ngày 22/7/2020 của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, các Trưởng Phòng/Ban của Tổng công ty Tổng công ty căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (B/cáo);
- HĐQT (e-copy, p/hợp chỉ đạo)
- Ban GD (e-copy, p/hợp);
- TV.BKS (e-copy, t/hiện);
- Các CNtrực thuộc (e-copy, t/hiện);
- Các Phòng, Ban Tcty (e-copy, t/hiện);
- N.Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty con (e-copy);
- Lưu VP, BKS.

**TM.BANKIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lương Văn Lĩnh

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1/QĐ-VIMICO ngày tháng năm 2021)

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Ban kiểm soát), bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (sau đây gọi là Ban kiểm soát) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Tổng công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ của Tổng công ty làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác], việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty (Công ty Mẹ), báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, điện thoại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập, trang thiết bị cần thiết khác và các chi phí phát sinh với mức hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty và phù hợp với quy định nội bộ của Tổng công ty.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan

của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP bao gồm: 07 chương; 22 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khoáng sản TKV -CTCP nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ của Tổng công ty về cùng một vấn đề thì các quy định tại Điều lệ Tổng công ty được ưu tiên áp dụng.

3. Các thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

4. Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lương Văn Lĩnh

